

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 815/2024/DS-ST

Ngày: 30-9-2024

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Xuân Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Dòn

2. Ông Võ Hoàng Thu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 579/2024/TLST-FORMTEXT DS ngày 02 tháng 7 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 855/2024/QĐXXST- DS ngày 23 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 709/2024/QĐST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty T1 (Việt Nam)

Địa chỉ trụ sở: I P, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Jin S – Chức danh: Chủ tịch Hội đồng thành viên

Người đại diện theo ủy quyền: Công ty L1

(Văn bản ủy quyền ngày 01/01/2024)

Ủy quyền lại cho: Bà Nguyễn Thị Lan A, sinh năm 2000

Địa chỉ liên hệ: Phòng số 401, Tầng D, Tòa nhà số G T, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Văn bản ủy quyền ngày 02/01/2024)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Vũ Duy L, sinh năm 2000

Địa chỉ: Thôn X, xã Q, huyện U, thành phố Hà Nội.

Tạm trú: Nhà không số Đ - Thành phố Hồ Chí Minh, khu phố D, thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/4/2024 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn Công ty T1 (Việt Nam) do bà Nguyễn Thị Lan A đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 15/5/2023 Công ty T1 (Việt Nam) (Sau đây gọi tắt là Công ty T1) và ông Nguyễn Vũ Duy L có ký Đề nghị vay vốn kèm Hợp đồng tín dụng số 4607144 đề cho ông L vay số tiền 20.463.000 đồng (Hai mươi triệu bốn trăm sáu mươi ba nghìn đồng), mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất trong hạn là 48%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn là 72%/năm, lãi suất chậm trả là 10%/năm, thời hạn vay từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đến ngày 25/10/2025, hình thức tín chấp, không có thế chấp tài sản bảo đảm.

Đồng thời, để bảo hiểm sức khỏe người vay vốn trong thời gian thực hiện Hợp đồng tín dụng, ngày 16/5/2023 ông L có ký với Tổng Công ty B 03 Hợp đồng bảo hiểm gồm: Hợp đồng bảo hiểm số 009-05/23/01.AY/HD/0082410 có thời hạn bảo hiểm từ 00:00 ngày 15/5/2023 đến 00:00 ngày 15/5/2024, phí bảo hiểm là 585.200 đồng; Hợp đồng bảo hiểm số 009-05/23/01.AY/HD/0082411 có thời hạn bảo hiểm từ 00:00 ngày 15/5/2024 đến 00:00 ngày 15/5/2025, phí bảo hiểm là 585.200 đồng; Hợp đồng bảo hiểm số 009-05/23/01.AY/HD/0082412 có thời hạn bảo hiểm từ 00:00 ngày 15/5/2025 đến 00:00 ngày 15/11/2025, phí bảo hiểm là 292.600 đồng. Theo đó, ông L là người được bảo hiểm trong trường hợp tử vong hoặc bị thương tật vĩnh viễn do tai nạn thì Công ty T1 là người được ưu tiên thụ hưởng khoản tiền bảo hiểm. Đây không phải là giao dịch bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán của ông L theo Hợp đồng tín dụng nên Tổng Công ty B không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Sau khi ký hợp đồng, Công ty T1 đã giải ngân đủ số tiền vay trên cho ông L gồm: Chuyển khoản qua tài khoản cá nhân của ông L số tiền 19.000.000 đồng (Mười chín triệu đồng) và nộp thay ông L phí bảo hiểm cho Tổng Công ty B là 1.463.000 đồng (Một triệu bốn trăm sáu mươi ba nghìn đồng).

Theo nội dung thỏa thuận của Đề nghị vay vốn kèm Hợp đồng tín dụng thì ông L có trách nhiệm trả góp tiền gốc và lãi hàng tháng cho Công ty T1 trong thời hạn 30 tháng kể từ ngày 25/5/2023 đến ngày 25/10/2025, cụ thể từng kỳ thanh toán như sau:

- Từ kỳ thanh toán thứ 01 đến kỳ thanh toán thứ 11 chỉ trả tiền lãi tương ứng với số ngày của từng kỳ.
- Từ kỳ thanh toán thứ 12 đến kỳ thanh toán thứ 27 trả tiền gốc và lãi số tiền là 1.559.835 đồng (Một triệu năm trăm năm mươi chín nghìn tám trăm ba mươi lăm đồng).
- Kỳ thanh toán thứ 28 trả tiền gốc và lãi số tiền là 1.456.360 đồng (Một triệu bốn trăm năm mươi sáu nghìn ba trăm sáu mươi đồng).

- Kỳ thanh toán thứ 29 trả tiền gốc và lãi số tiền là 1.439.956 đồng (Một triệu bốn trăm ba mươi chín nghìn chín trăm năm mươi sáu đồng).

- Kỳ thanh toán thứ 30 trả tiền gốc và lãi số tiền là 1.500.623 đồng (Một triệu năm trăm nghìn sáu trăm hai mươi ba đồng).

Tuy nhiên, kể từ khi giải ngân đến nay, ông L chỉ mới thanh toán cho Công ty tổng số tiền là 5.611.904 đồng (Năm triệu sáu trăm mười một nghìn chín trăm lẻ bốn đồng), cụ thể như sau:

+ Ngày 26/5/2023 ông L trả cho Công ty số tiền 538.204 đồng (Năm trăm ba mươi tám nghìn hai trăm lẻ bốn đồng).

+ Ngày 26/6/2023 ông L trả cho Công ty số tiền 858.218 đồng (Tám trăm năm mươi tám nghìn hai trăm mười tám đồng).

+ Ngày 28/7/2023 ông L trả cho Công ty số tiền 819.971 đồng (Tám trăm mười chín nghìn chín trăm bảy mươi mốt đồng).

+ Ngày 31/8/2023 ông L trả cho Công ty số tiền 847.589 đồng (Tám trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm tám mươi chín đồng).

+ Ngày 19/10/2023 ông L trả cho Công ty số tiền 851.704 đồng (Tám trăm năm mươi mốt nghìn bảy trăm lẻ bốn đồng).

+ Ngày 18/3/2024 ông L trả cho Công ty số tiền 846.218 đồng (Tám trăm bốn mươi sáu nghìn hai trăm mười tám đồng).

+ Ngày 25/8/2024 ông L trả cho Công ty số tiền 850.000 đồng (Tám trăm năm mươi nghìn đồng).

Mặc dù đã được Công ty T1 nhiều lần liên hệ nhắc nhở và gửi thư đề nghị thanh toán nợ, nhưng từ ngày 26/8/2024 đến nay ông L vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận đã ký với Công ty T1.

Do đó, Công ty T1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Vũ Duy L thanh toán một lần toàn bộ khoản vay cho Công ty T1 với tổng số tiền tạm tính đến ngày 28/02/2024 là 24.652.684 đồng (Hai mươi bốn triệu sáu trăm năm mươi hai nghìn sáu trăm tám mươi bốn đồng), trong đó, nợ gốc là 20.463.000 đồng (Hai mươi triệu bốn trăm sáu mươi ba nghìn đồng); lãi trong hạn là 4.117.268 đồng (Bốn triệu một trăm mười bảy nghìn hai trăm sáu mươi tám đồng); lãi chậm trả là 72.416 đồng (Bảy mươi hai nghìn bốn trăm mười sáu đồng). Buộc ông Nguyễn Vũ Duy L tiếp tục thanh toán lãi, phí phát sinh từ ngày 29/02/2024 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Bị đơn ông Nguyễn Vũ Duy L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông L vẫn vắng mặt, không rõ lý do; ông L cũng không cung cấp cho Tòa án văn bản thể hiện ý kiến về yêu cầu khởi kiện của Công ty T1 (Việt Nam).

Do nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên vụ án không hòa giải được.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn Công ty T1 (Việt Nam) do bà Nguyễn Thị Lan A đại diện theo ủy quyền giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Vũ Duy L thanh toán một lần toàn bộ khoản vay cho Công ty T1 với tổng số tiền tạm tính đến ngày 30/9/2024 là 29.209.482 đồng (Hai mươi chín triệu hai trăm lẻ chín nghìn bốn trăm tám mươi hai đồng), trong đó, nợ gốc là 20.463.000 đồng (Hai mươi triệu bốn trăm sáu mươi ba nghìn đồng); lãi trong hạn là 7.681.829 đồng (Bảy triệu sáu trăm tám mươi một nghìn tám trăm hai mươi chín đồng); lãi quá hạn là 754.774 đồng (Bảy trăm năm mươi bốn nghìn bảy trăm bảy mươi bốn đồng); lãi chậm trả là 309.879 đồng (Ba trăm lẻ chín nghìn tám trăm bảy mươi chín đồng). Đồng thời, buộc ông Nguyễn Vũ Duy L tiếp tục thanh toán lãi, phí phát sinh từ ngày 01/10/2024 cho đến khi thanh toán hết nợ.

- Bị đơn ông Nguyễn Vũ Duy L vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T1 (Việt Nam).

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn Công ty T1 (Việt Nam) khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Vũ Duy L trả số tiền vay theo Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký, đây là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”; bị đơn hiện cư trú tại thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Vũ Duy L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[3.1]. Căn cứ Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 4607144 ngày 15/5/2023 được ký kết giữa bên đề nghị vay vốn ông Nguyễn Vũ Duy L với bên cho vay Công ty T1 có cơ sở xác định ông Nguyễn Vũ Duy L có vay tiền của Công ty T1.

Nội dung Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng thể hiện sự thỏa thuận tự nguyện của các bên và không trái pháp luật nên có hiệu lực; phù hợp với các quy định tại Điều 117, Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3.2.]. Căn cứ phiếu báo nợ ngày 15/5/2023 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần K có nội dung thanh toán: “*Mirae A1 chuyển tiền GN Nguyễn Vũ Duy L HD 4601744*” và Giấy chứng nhận Bảo hiểm sức khỏe người vay tín dụng số 009-05/23/01.AY/HD/0082410 ngày 16/5/2023; Giấy chứng nhận Bảo hiểm sức khỏe người vay tín dụng số 009-05/23/01.AY/HD/0082411 ngày 16/5/2023; Giấy chứng nhận Bảo hiểm sức khỏe người vay tín dụng số 009-05/23/01.AY/HD/0082412 ngày 16/5/2023 của Tổng Công ty Cổ phần B xác định Công ty T1 đã giải ngân cho ông L đủ số tiền vay theo thỏa thuận tại tiểu mục 7.4 mục 7 của Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 4607144 ngày 15/5/2023.

[3.3]. Theo nội dung thỏa thuận được ghi nhận trong Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng thì ông Nguyễn Vũ Duy L có trách nhiệm thanh toán tiền gốc và lãi hàng tháng cho Công ty M trong thời hạn 30 tháng kể từ ngày 25/5/2023 đến ngày 25/10/2025. Tuy nhiên, ông L chỉ mới thanh toán cho Công ty T1 tổng số tiền (từ ngày 26/5/2023 đến ngày 25/8/2024) là 5.611.904 đồng (Năm triệu sáu trăm mười một nghìn chín trăm lẻ bốn đồng) thì ngưng, không thanh toán nữa. Tính đến ngày 30/9/2024 ông Nguyễn Vũ Duy L còn nợ Công ty T1 số tiền là 29.209.482 đồng (Hai mươi chín triệu hai trăm lẻ chín nghìn bốn trăm tám mươi hai đồng), trong đó, nợ gốc là 20.463.000 đồng (Hai mươi triệu bốn trăm sáu mươi ba nghìn đồng); lãi trong hạn là 7.681.829 đồng (Bảy triệu sáu trăm tám mươi một nghìn tám trăm hai mươi chín đồng); lãi quá hạn là 754.774 đồng (Bảy trăm năm mươi bốn nghìn bảy trăm bảy mươi bốn đồng); lãi chậm trả là 309.879 đồng (Ba trăm lẻ chín nghìn tám trăm bảy mươi chín đồng). Do ông L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty T1 yêu cầu ông L thanh toán một lần toàn bộ số tiền còn nợ nêu trên và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 01/10/2024 cho đến khi ông L thanh toán xong các khoản nợ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng đã ký là phù hợp với thỏa thuận của các bên tại mục 8 Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3697904 ngày 30/9/2022 và đúng theo quy định tại Điều 280, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 và Điều 108 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 23 và 25 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

[3.3]. Theo kết quả xác minh của Công an thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh: “*Ông Nguyễn Vũ Duy L, sinh năm 2000 đang thực tế cư trú tại Nhà không số D - Thành phố Hồ Chí Minh, khu phố D, thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh*”. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông L đã được tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, trong đó nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả một lần toàn bộ số tiền còn nợ của Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng nhưng bị đơn không có ý kiến phản đối yêu cầu của nguyên đơn. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối

những tình tiết, sự kiện mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh. Do ông L không phản đối yêu cầu và chứng cứ mà bên nguyên đơn đưa ra nên coi như ông L chấp nhận yêu cầu trên của nguyên đơn.

[3.4]. Từ những nhận định và phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ phát sinh từ Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 4607144 ngày 15/5/2023 là 29.209.482 đồng (Hai mươi chín triệu hai trăm lẻ chín nghìn bốn trăm tám mươi hai đồng), trong đó, nợ gốc là 20.463.000 đồng (Hai mươi triệu bốn trăm sáu mươi ba nghìn đồng); lãi trong hạn là 7.681.829 đồng (Bảy triệu sáu trăm tám mươi một nghìn tám trăm hai mươi chín đồng); lãi quá hạn là 754.774 đồng (Bảy trăm năm mươi bốn nghìn bảy trăm bảy mươi bốn đồng); lãi chậm trả là 309.879 đồng (Ba trăm lẻ chín nghìn tám trăm bảy mươi chín đồng) và bị đơn phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01/10/2024 theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng đã giao kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[4]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5]. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 227; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Căn cứ Điều 117, Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 91, Điều 95 và Điều 108 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Căn cứ Điều 23 và Điều 25 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T1 (Việt Nam) đối với ông Nguyễn Vũ Duy L về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

2. Buộc ông Nguyễn Vũ Duy L có nghĩa vụ trả cho Công ty T1 (Việt Nam) số tiền nợ phát sinh từ Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 4607144 ngày 15/5/2023 là 29.209.482 đồng (Hai mươi chín triệu hai trăm lẻ chín nghìn bốn trăm

tám mươi hai đồng), trong đó, nợ gốc là 20.463.000 đồng (Hai mươi triệu bốn trăm sáu mươi ba nghìn đồng); lãi trong hạn là 7.681.829 đồng (Bảy triệu sáu trăm tám mươi một nghìn tám trăm hai mươi chín đồng); lãi quá hạn là 754.774 đồng (Bảy trăm năm mươi bốn nghìn bảy trăm bảy mươi bốn đồng); lãi chậm trả là 309.879 đồng (Ba trăm lẻ chín nghìn tám trăm bảy mươi chín đồng).

Kể từ ngày 01/10/2024 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng đã ký kết.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Vũ Duy L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.460.474 đồng (Một triệu bốn trăm sáu mươi nghìn bốn trăm bảy mươi bốn đồng).

Hoàn lại cho Công ty T1 (Việt Nam) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 616.317 đồng (Sáu trăm mười sáu nghìn ba trăm mười bảy đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004222 ngày 26/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- CCTHADS huyện Bình Chánh;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**



Bùi Xuân Hương

